| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ L**<br>TỈNH A | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH A**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan;

2. Ông Phan Bảo Duy.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 802/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Ấp 4, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông Phan Văn P vắng mặt lần thứ hai).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L vào ngày 06/4/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống. Nguyên nhân do ông P thường xuyên cờ bạc, đá gà, không chăm lo về kinh tế gia đình và không quan tâm vợ con. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn P.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 (Hai) con chung tên Phan Hoàng A, sinh ngày 27/3/2010 và Phan Bảo H, sinh ngày 06/7/2013. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung; bà không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông Phan Văn P vắng mặt; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa , ông Phan Văn P tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 26/3/2019 với lý do bận đi làm xa.

- Bị đơn ông Phan Văn P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 và Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ

đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến cũng như vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc B theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Hai cháu tên Phan Hoàng A, sinh ngày 27/3/2010 và Phan Bảo H, sinh ngày 06/7/2013 đều đang cùng sinh sống với mẹ là bà B tại tổ 6, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Quá trình giải quyết vụ án, bà B trình bày từ khi ly thân đến nay, ông P không lui tới thăm nom các con chung. Tại Biên bản ghi nguyện vọng của cháu Phan Hoàng A, cháu A có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng sống với mẹ là bà B. Xét thấy, cần thiết ổn định nơi ở, điều kiện học tập và để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao hai cháu Phan Hoàng A và Phan Bảo H cho bà B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B không yêu cầu ông Phan Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để xem xét.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn P. Ông Phan Văn P có hộ khẩu thường trú tại thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn

cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý, giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, bà Nguyễn Thị Ngọc B có đơn đề ngày 26/3/2019 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà do bận công việc.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ bằng hình thức niêm yết cho ông Phan Văn P theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông P không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Đồng thời, Tòa án tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Phan Văn P và được Công an xã M, thành phố L cung cấp thông tin: Đương sự Phan Văn P, sinh năm 1990 có đăng ký hộ khẩu thường trú ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Do đó, căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phan Văn P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phan Văn P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số I/2010, ngày 06/4/2010 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Chứng cứ bà Nguyễn Thị Ngọc B đưa ra để yêu cầu ly hôn ông Phan Văn P là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cách sống, ông P tham gia các tệ nạn xã hội mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông P vẫn không sửa đổi tính tình. Do đó, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gây gổ và không tìm được tiếng nói chung. Bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông P cũng không tới lui thăm nom con chung. Mặc dù những mâu thuẫn trên đã được cha mẹ hai bên hàn gắn nhưng bà xác định tình cảm của vợ chồng dành cho nhau không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn P.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Phan Văn P vẫn vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Đồng thời, ông Phan Văn P cũng không thực hiện việc cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi hòa giải theo thông báo của Tòa án. Điều đó chứng tỏ ông Phan Văn P không còn quan tâm đến việc hàn

gắn gia đình với bà Nguyễn Thị Ngọc B, phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc B trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Thấy rằng, thực tế cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phan Văn P đã không còn tồn tại. Ông bà không còn sống chung và đã ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Đồng thời, ông bà cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Mặt khác, về phía bà Nguyễn Thị Ngọc B mặc dù đã được Tòa án nhiều lần tạo điều kiện hòa giải với ông Phan Văn P nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc B vẫn kiên quyết ly hôn với ông Phan Văn P. Điều đó chứng tỏ cuộc hôn nhân của bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phan Văn P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn ông Phan Văn P.

[2.2] Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Phan Hoàng A, sinh ngày 27/3/2010 và Phan Bảo H, sinh ngày 06/7/2013. Bà Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông Phan Văn P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày, sau khi vợ chồng sống ly thân thì hai con chung đang sinh sống ổn định cùng bà tại tổ 6, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, hai con chung đang sinh sống ổn định cùng mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc B. Điều này phù hợp với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Ngọc B tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15/02/2019, bà B trình bày từ khi vợ chồng ly thân đến nay ông P không lui tới thăm nom các con. Tại Biên bản ghi nguyện vọng của cháu Phan Hoàng A do Tòa án lập ngày 18/01/2019, cháu Phan Hoàng A có nguyện vọng sau khi cha mẹ ly hôn được sinh sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Ngọc B. Xét thấy, cần thiết ổn định về nơi ở, điều kiện học tập và để đảm bảo ổn định về tinh thần cũng như

quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao hai cháu Phan Hoàng A và Phan Bảo H cho bà Nguyễn Thị Ngọc B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Nguyễn Thị Ngọc B không yêu cầu ông Phan Văn P cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ông Phan Văn P không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 232; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B và bị đơn ông Phan Văn P.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Bà Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn ông Phan Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số I/2010, ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp mang tên Phan Văn P và Nguyễn Thị Ngọc B không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 (Hai) con chung tên Phan Hoàng A, sinh ngày 27/3/2010 và Phan Bảo H, sinh ngày 06/7/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc B được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Phan Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do bà Nguyễn Thị Ngọc B không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Phan Văn P được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình; nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010662, ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà Nguyễn Thị Ngọc B đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Phan Văn P không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Phan Văn P có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND. TP Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- UBND xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Xuân Thu**